

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 01

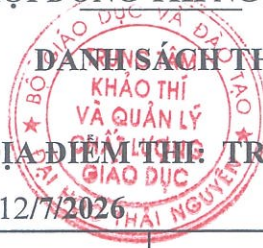
MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-001	Võ Bình An	20.05.1989	Nam	Kinh	Đắk Lắk
2	GCN1272026-002	Nguyễn Hoàng Nhật Anh	21.03.2001	Nam	Kinh	Tây Ninh
3	GCN1272026-003	Nguyễn Quang Anh	16.11.1998	Nam	Kinh	Hưng Yên
4	GCN1272026-004	Phan Văn Hoài Anh	31.05.1991	Nam	Kinh	Đồng Tháp
5	GCN1272026-005	Nguyễn Trí Bá	30.05.1999	Nam	Kinh	Vĩnh Long
6	GCN1272026-006	Cao Phước Bạ	08.08.1986	Nam	Kinh	Đồng Tháp
7	GCN1272026-007	Vũ Đăng Bạ	06.10.1984	Nam	Kinh	Thái Bình
8	GCN1272026-008	Hồ Gia Bảo	26.11.1996	Nam	Kinh	Lâm Đồng
9	GCN1272026-009	Trần Ngọc Bảo	05.06.1999	Nam	Kinh	Gia Lai
10	GCN1272026-010	Nguyễn Hải Bình	14.05.1985	Nam	Kinh	Đồng Nai
11	GCN1272026-011	Hứa Văn Càng	11.11.1984	Nam	Chăm	Khánh Hoà
12	GCN1272026-012	Nguyễn Gia Cát	26.03.1988	Nam	Kinh	Khánh Hòa
13	GCN1272026-013	Cao Công Chánh	07.02.1988	Nam	Kinh	Bình Định
14	GCN1272026-014	Cao Thị Mỹ Châu	20.05.1987	Nữ	Kinh	Tiền Giang
15	GCN1272026-015	Lê Trung Chiến	26.10.1984	Nam	Kinh	Bạc Liêu
16	GCN1272026-016	Huỳnh Văn Còn	08.05.1986	Nam	Kinh	Đồng Tháp
17	GCN1272026-017	Nguyễn Văn Công	07.08.1993	Nam	Kinh	Thái Bình
18	GCN1272026-018	Hà Đức Cử	19.05.1990	Nam	Thái	Thanh Hóa
19	GCN1272026-019	Bùi Quốc Cường	01.08.2004	Nam	Kinh	Bình Thuận
20	GCN1272026-020	Nguyễn Cao Cường	08.12.1980	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
21	GCN1272026-021	Nguyễn Hải Cường	20.11.1992	Nam	Kinh	Vĩnh Long
22	GCN1272026-022	Nguyễn Minh Cường	26.10.1983	Nam	Kinh	Vĩnh Long

Ấn định danh sách có: 22 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH**



NGÀY THI: 12/7/2026 CA: SÁNG PHÒNG THI: 02 MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-023	Nguyễn Trung Cường	25.07.1986	Nam	Kinh	Kiên Giang
2	GCN1272026-024	Lương Văn Danh	24.04.1996	Nam	Kinh	Đà Nẵng
3	GCN1272026-025	Nguyễn Văn Danh	02.12.1996	Nam	Kinh	Bình Định
4	GCN1272026-026	Phạm Thành Danh	26.05.1983	Nam	Kinh	Đồng Nai
5	GCN1272026-027	Phan Anh Đào	07.02.1995	Nữ	Kinh	Vũng Tàu
6	GCN1272026-028	Nguyễn Quốc Đạt	10.10.1982	Nam	Kinh	TP HCM
7	GCN1272026-029	Cao Trung Định	10.01.1985	Nam	Kinh	Bình Định
8	GCN1272026-030	Đặng Văn Độ	12.10.1973	Nam	Kinh	Thanh Hoá
9	GCN1272026-031	Nguyễn Đình Đoan	16.10.1977	Nam	Kinh	Bến Tre
10	GCN1272026-032	Nguyễn Chí Đoàn	11.05.1990	Nam	Kinh	TP HCM
11	GCN1272026-033	Hoàng Ngọc Đôn	02.01.2000	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
12	GCN1272026-034	Cao xuân Đức	29.11.1995	Nam	Kinh	Hà Nội
13	GCN1272026-035	Ngô Anh Đức	26.07.1993	Nam	Kinh	Quảng Nam
14	GCN1272026-036	Bùi Văn Dũng	09.04.1982	Nam	Kinh	Hung Yên
15	GCN1272026-037	Lê Quốc Dũng	26.06.1995	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
16	GCN1272026-038	Lê Văn Dũng	04.09.1992	Nam	Kinh	Đắk Lắk
17	GCN1272026-039	Nguyễn Văn Dũng	14.12.1991	Nam	Kinh	Cần Thơ
18	GCN1272026-040	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	15.10.1982	Nữ	Kinh	Gia Lai
19	GCN1272026-041	Lưu Xuân Dương	01.09.1998	Nam	Kinh	Đồng Nai
20	GCN1272026-042	Đặng Khương Duy	15.06.1992	Nam	Kinh	Ninh Bình
21	GCN1272026-043	Lý Ngọc Khả Duy	17.11.2004	Nam	Kinh	An Giang
22	GCN1272026-044	Nguyễn Thị Công Kim Duyên	15.06.1987	Nữ	Kinh	Khánh Hoà

Ấn định danh sách có: 22 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: SÁNG

PHÒNG THI: 03

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-045	Đỗ Văn Giang	20.05.1989	Nam	Kinh	Thanh Hóa
2	GCN1272026-046	Huỳnh Trường Giang	14.02.1991	Nam	Kinh	Cần Thơ
3	GCN1272026-047	Nguyễn Thanh Giang	05.01.2000	Nam	Kinh	TP HCM
4	GCN1272026-048	Phạm Vũ Trường Giang	02.09.1992	Nam	Kinh	Vĩnh Long
5	GCN1272026-049	Cao Văn Hà	17.03.1991	Nam	Kinh	Cần Thơ
6	GCN1272026-050	Ngô Lê Hải	26.04.1988	Nam	Kinh	Đà Nẵng
7	GCN1272026-051	Nguyễn Hoàng Hải	16.01.1981	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN1272026-052	Nguyễn Thanh Hải	15.06.1980	Nam	Kinh	Khánh Hoà
9	GCN1272026-053	Nguyễn Văn Hải	14.07.1990	Nam	Kinh	Thanh Hóa
10	GCN1272026-054	Trần Minh Hải	19.07.1995	Nam	Kinh	Tp HCM
11	GCN1272026-055	Trương Minh Hải	28.01.1989	Nam	Kinh	Bình Định
12	GCN1272026-056	Nguyễn Kim Hạnh	21.07.1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk
13	GCN1272026-057	Hà Nhân Hậu	21.04.1999	Nam	Kinh	Đồng Tháp
14	GCN1272026-058	Nguyễn Phúc Hậu	15.05.1982	Nam	Kinh	An Giang
15	GCN1272026-059	Vương Thế Hiển	02.12.1986	Nam	Kinh	Tây Ninh
16	GCN1272026-060	Nguyễn Hiệp	02.02.1990	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
17	GCN1272026-061	Nguyễn Hoàng Hiệp	25.12.1990	Nam	Kinh	Thanh Hoá
18	GCN1272026-062	Trần Sỹ Hiệp	15.07.1988	Nam	Kinh	Lâm Đồng
19	GCN1272026-063	Lại Thế Hiếu	15.12.1992	Nam	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN1272026-064	Lê Quang Hiếu	25.06.1979	Nam	Kinh	Bến Tre
21	GCN1272026-065	Nguyễn Trung Hiếu	22.07.1990	Nam	Kinh	Đắk Lắk
22	GCN1272026-066	Nguyễn Công Hoá	26.03.1990	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
23	GCN1272026-067	Ngô Quốc Hòa	25.09.1993	Nam	Kinh	Lâm Đồng
24	GCN1272026-068	Trần Văn Hoạch	25.03.1989	Nam	Kinh	Ninh Bình
25	GCN1272026-069	Hồ Sỹ Hoàn	22.08.1987	Nam	Kinh	Nghệ An
26	GCN1272026-070	Đặng Huy Hoàng	11.09.1982	Nam	Kinh	Đồng Nai

Ấn định danh sách có: 26 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH**

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 04

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-071	Huỳnh Khánh Hoàng	03.04.1996	Nam	Kinh	TP HCM
2	GCN1272026-072	Nguyễn Quốc Hoàng	05.10.1982	Nam	Kinh	Tây Ninh
3	GCN1272026-073	Trình Minh Hoàng	04.05.1985	Nam	Kinh	Đắk Lắk
4	GCN1272026-074	Phạm Văn Học	07.11.1996	Nam	Kinh	Hung Yên
5	GCN1272026-075	Ngô Thị Thu Hồng	10.10.2003	Nữ	Kinh	Đà Nẵng
6	GCN1272026-076	Nguyễn Khắc Hùng	07.10.1993	Nam	Kinh	TP HCM
7	GCN1272026-077	Phan Thanh Hùng	11.07.1990	Nam	Kinh	Đắk Lắk
8	GCN1272026-078	Hoàng Quang Hưng	05.04.1998	Nam	Kinh	Ninh Bình
9	GCN1272026-079	Bùi Minh Hường	03.07.1990	Nam	Kinh	Gia Lai
10	GCN1272026-080	Đàm Văn Hương	12.10.1987	Nam	Nùng	Lạng Sơn
11	GCN1272026-081	Chu Minh Huy	15.10.1990	Nam	Kinh	Đắk Lắk
12	GCN1272026-082	Lưu Gia Huy	05.06.1996	Nam	Kinh	TP HCM
13	GCN1272026-083	Nguyễn Ngọc Huy	17.12.1987	Nam	Kinh	Hải Phòng
14	GCN1272026-084	Phan Khắc Huy	16.05.1995	Nam	Kinh	Đồng Tháp
15	GCN1272026-085	Trà Quốc Huy	31.03.1996	Nam	Kinh	Đà Nẵng
16	GCN1272026-086	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	12.07.1992	Nữ	Kinh	Cà Mau
17	GCN1272026-087	Võ Tuấn Huyền	27.05.1991	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
18	GCN1272026-088	Lý Huỳnh	01.01.1992	Nam	Kinh	Cà Mau
19	GCN1272026-089	Đoàn Duy Khánh	17.02.1984	Nam	Kinh	Quảng Trị
20	GCN1272026-090	Trần Văn Khánh	18.04.1985	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
21	GCN1272026-091	Nguyễn Quốc Khánh	08.07.1985	Nam	Kinh	Cần Thơ
22	GCN1272026-092	Nguyễn Trọng Minh Khiêm	05.04.1995	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
23	GCN1272026-093	Lưu Xuân Khoa	14.05.1982	Nam	Kinh	Nam Định
24	GCN1272026-094	Nguyễn Hồng Khương	02.08.2001	Nam	Kinh	Gia Lai
25	GCN1272026-095	Phan Thị Kiều	27.02.1995	Nữ	Kinh	Đồng Nai
26	GCN1272026-096	Nguyễn Đình Kim	01.01.1989	Nam	Kinh	Đắk Lắk
27	GCN1272026-097	Lê Bá Kỳ	02.06.1991	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
28	GCN1272026-098	Lê Văn Lâm	29.03.1989	Nam	Kinh	Hải Phòng
29	GCN1272026-099	Nguyễn Vĩnh Lân	10.01.1996	Nam	Kinh	Lâm Đồng
30	GCN1272026-100	Trần Thị Lành	10.11.1990	Nữ	Kinh	Đà Nẵng

Ấn định danh sách có: 30 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 05

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-101	Nguyễn Thành Lập	01.04.1992	Nam	Kinh	Gia Lai
2	GCN1272026-102	Đàm Thị Liên	29.04.1986	Nữ	Kinh	Thanh Hóa
3	GCN1272026-103	Nguyễn Thị Khánh Linh	04.07.1999	Nữ	Kinh	Nghệ An
4	GCN1272026-104	Trần Tuấn Linh	09.08.1993	Nam	Kinh	Cà Mau
5	GCN1272026-105	Trần Tuấn Linh	17.04.1993	Nam	Kinh	Đồng Nai
6	GCN1272026-106	Phạm Võ Lộc	19.09.1999	Nam	Kinh	Đà Nẵng
7	GCN1272026-107	Phạm Xuân Lộc	07.08.1990	Nam	Kinh	TP HCM
8	GCN1272026-108	Lê Văn Lợi	28.05.1985	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
9	GCN1272026-109	Đặng Hoàng Phi Long	10.08.1989	Nam	Kinh	Tây Ninh
10	GCN1272026-110	Nguyễn Đăng Long	20.08.1982	Nam	Kinh	Quảng Trị
11	GCN1272026-111	Nguyễn Hoàng Long	16.07.2001	Nam	Kinh	TP HCM
12	GCN1272026-112	Nguyễn Lương Long	11.08.1986	Nam	Kinh	Đắk Lắk
13	GCN1272026-113	Nguyễn Thanh Long	28.11.1992	Nam	Kinh	Vũng Tàu
14	GCN1272026-114	Nguyễn Văn Long	28.09.1979	Nam	Kinh	Quảng Trị
15	GCN1272026-115	Nguyễn Anh Luân	24.12.1994	Nam	Kinh	Phú Yên
16	GCN1272026-116	Phan Thành Luân	16.02.2000	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
17	GCN1272026-117	Đặng Văn Lượng	20.10.1984	Nam	Kinh	Hải Phòng
18	GCN1272026-118	Quách Văn Luyến	09.06.1986	Nam	Mường	Hoà Bình
19	GCN1272026-119	Nguyễn Minh Lý	02.04.1999	Nam	Kinh	TP HCM
20	GCN1272026-120	Lê Xuân Mão	10.09.1987	Nam	Kinh	Thanh Hóa
21	GCN1272026-121	Đỗ Đức Minh	23.12.1982	Nam	Kinh	Thanh Hóa
22	GCN1272026-122	Hồ Duy Minh	08.04.1985	Nam	Kinh	Bến Tre

Ấn định danh sách có: 22 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

TRUNG TÂM  
KHẢO SÁT  
VÀ QUẢN LÝ  
CHẤT LƯỢNG  
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
ĐANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 06

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-123	Nguyễn Hoàng Minh	25.03.1987	Nam	Kinh	TP HCM
2	GCN1272026-124	Nguyễn Quang Minh	28.08.1972	Nam	Kinh	TP HCM
3	GCN1272026-125	Trần Ngọc Minh	25.10.1984	Nam	Kinh	Đắk Lắk
4	GCN1272026-126	Trần Phương Nam	23.05.1992	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
5	GCN1272026-127	Trần Hữu Nghị	23.02.1994	Nam	Kinh	Bến Tre
6	GCN1272026-128	Huỳnh Long Nghĩa	19.11.1999	Nam	Kinh	Đồng Tháp
7	GCN1272026-129	Lê Trọng Nghĩa	18.08.1981	Nam	Kinh	Trà Vinh
8	GCN1272026-130	Nguyễn Hiếu Nghĩa	01.01.1996	Nam	Kinh	Cần Thơ
9	GCN1272026-131	Nguyễn Thọ Nghĩa	01.12.1973	Nam	Kinh	Quảng Trị
10	GCN1272026-132	Nguyễn Trọng Nghĩa	12.10.1990	Nam	Kinh	TP HCM
11	GCN1272026-133	Phan Hồ Trọng Nghĩa	09.12.1984	Nam	Kinh	TP HCM
12	GCN1272026-134	Hoàng Bích Ngọc	20.01.1993	Nữ	Kinh	Đồng Nai
13	GCN1272026-135	Phạm Trọng Nguyễn	28.05.1998	Nam	Kinh	Cà Mau
14	GCN1272026-136	Phạm Cao Nguyễn	10.08.1984	Nam	Kinh	Nam Định
15	GCN1272026-137	Bùi Nguyễn Thiện Nhân	04.10.1989	Nam	Kinh	Khánh Hoà
16	GCN1272026-138	Đồng Nguyên Nhất	05.09.2000	Nam	Kinh	Đắk Lắk
17	GCN1272026-139	Phan Thị Huỳnh Như	24.12.1994	Nữ	Kinh	Tiền Giang
18	GCN1272026-140	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22.07.1990	Nữ	Kinh	TP HCM
19	GCN1272026-141	Trần Văn Phát	20.04.1984	Nam	Kinh	TP HCM
20	GCN1272026-142	Châu Định Phong	01.01.1981	Nam	Kinh	Lâm Đồng
21	GCN1272026-143	Đào Văn Phong	12.05.1995	Nam	Kinh	Ninh Bình
22	GCN1272026-144	Thái Phong	24.05.1991	Nam	Kinh	Hà Tĩnh

Ấn định danh sách có: 22 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 07

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-145	Huỳnh Văn Phú	20.07.1992	Nam	Kinh	An Giang
2	GCN1272026-146	Lê ngọc Phú	22.08.1994	Nam	Kinh	Đắk Lắk
3	GCN1272026-147	Võ Đại Phú	10.05.1984	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
4	GCN1272026-148	Dương Thành Phúc	18.08.1990	Nam	Kinh	TPHCM
5	GCN1272026-149	Nguyễn Văn Phúc	22.02.1986	Nam	Kinh	Gia Lai
6	GCN1272026-150	Trần Đình Phúc	15.08.1981	Nam	Kinh	Nghệ An
7	GCN1272026-151	Mai Quang Phước	12.10.1989	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
8	GCN1272026-152	Lê Phương	02.01.1989	Nam	Kinh	Đắk Lắk
9	GCN1272026-153	Phạm Thái Phương	21.03.1988	Nam	Kinh	Vĩnh long
10	GCN1272026-154	Trần Thanh Phương	05.08.1990	Nam	Kinh	TP HCM
11	GCN1272026-155	Nguyễn Đăng Quân	15.10.1985	Nam	Kinh	Thanh Hoá
12	GCN1272026-156	Vũ Mạnh Quân	08.08.1994	Nam	Kinh	Đồng Nai
13	GCN1272026-157	Phạm Đình Quang	28.01.1983	Nam	Kinh	Hải Phòng
14	GCN1272026-158	Trần Văn Quang	10.12.1985	Nam	Kinh	Đắk Lắk
15	GCN1272026-159	Nguyễn Thế Quế	12.10.1987	Nam	Kinh	Thanh Hóa
16	GCN1272026-160	Phạm Phú Quý	22.07.1981	Nam	Kinh	TP HCM
17	GCN1272026-161	Đoàn Văn Quý	14.07.1984	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
18	GCN1272026-162	Giang Văn Quỳnh	15.09.1984	Nam	Kinh	Thái Bình
19	GCN1272026-163	Trần Mộng Xuân Quỳnh	24.10.2005	Nữ	Kinh	TP HCM
20	GCN1272026-164	Nguyễn Văn SaLil	25.02.1984	Nam	Kinh	Vĩnh Long
21	GCN1272026-165	Nguyễn Trọng Hoàng Sa	22.03.1991	Nam	Kinh	Lâm Đồng
22	GCN1272026-166	Lê Văn Sang	13.04.1996	Nam	Kinh	Kiên Giang

Ấn định danh sách có: 22 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 08

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NOI SINH
1	GCN1272026-167	Trần Văn Sáng	01.01.1987	Nam	Kinh	Cần Thơ
2	GCN1272026-168	Nguyễn Nhật Sanh	15.09.1995	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
3	GCN1272026-169	Vũ Mai Sáu	21.05.1976	Nam	Kinh	Thanh Hóa
4	GCN1272026-170	Đỗ Ngọc Sơn	22.02.1982	Nam	Kinh	Nam Định
5	GCN1272026-171	Nguyễn Trường Xuân Sơn	25.01.1987	Nam	Kinh	Đắk Lắk
6	GCN1272026-172	Nông Công Sự	02.07.1988	Nam	Tày	Đồng Nai
7	GCN1272026-173	Nguyễn Thành Tài	01.01.1987	Nam	Kinh	Tây Ninh
8	GCN1272026-174	Nguyễn Văn Tài	01.12.1996	Nam	Kinh	Đồng Tháp
9	GCN1272026-175	Võ Thành Tài	27.09.1993	Nam	Kinh	TP HCM
10	GCN1272026-176	Hà Thanh Tâm	21.10.1993	Nam	Kinh	Quảng Trị
11	GCN1272026-177	Lê Sỹ Tâm	04.07.1982	Nam	Kinh	Vũng Tàu
12	GCN1272026-178	Nguyễn Hồng Thanh Tâm	12.07.1995	Nam	Kinh	Đồng Nai
13	GCN1272026-179	Hồ Văn Tân	13.11.1994	Nam	Kinh	Tây Ninh
14	GCN1272026-180	Hồ Trọng Tấn	21.04.1985	Nam	Kinh	Đắk Lắk
15	GCN1272026-181	Trần Văn Thái	12.03.1992	Nam	Kinh	TP HCM
16	GCN1272026-182	Huỳnh Xuân Thắng	17.08.1977	Nam	Kinh	Gia Lai
17	GCN1272026-183	Nguyễn Công Thanh	13.12.1992	Nam	Kinh	Cà Mau
18	GCN1272026-184	Nguyễn Đông Thanh	24.06.1989	Nam	Kinh	Khánh Hòa
19	GCN1272026-185	Lê Văn Thành	06.05.1993	Nam	Kinh	Gia Lai
20	GCN1272026-186	Nguyễn Đức Thành	02.08.1981	Nam	Kinh	Gia Lai
21	GCN1272026-187	Phạm Văn Thạnh	10.09.1991	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
22	GCN1272026-188	Nguyễn Khoa Thi	04.07.1986	Nam	Kinh	Cần Thơ
23	GCN1272026-189	Lê Hồng Thiện	17.11.1989	Nam	Kinh	Bình Định
24	GCN1272026-190	Lê Văn Thiết	02.04.1987	Nam	Kinh	Thanh Hóa
25	GCN1272026-191	Đỗ Quốc Thịnh	18.09.1990	Nam	Kinh	Đồng Tháp
26	GCN1272026-192	Phạm Văn Thịnh	05.10.1992	Nam	Kinh	Đồng Nai

Ấn định danh sách có: 26 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 09

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-193	Phạm Ngọc Thọ	27.12.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN1272026-194	Nguyễn Thị Tâm Thoa	16.04.1993	Nữ	Kinh	Lâm Đồng
3	GCN1272026-195	Nguyễn Nhật Thoại	19.04.1981	Nam	Kinh	Gia lai
4	GCN1272026-196	La Quang Thời	26.06.1992	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
5	GCN1272026-197	Phạm Đình Thông	22.10.1988	Nam	Kinh	Nghệ An
6	GCN1272026-198	Nguyễn Hữu Thuận	02.07.1978	Nam	Kinh	Quảng Trị
7	GCN1272026-199	Đặng Văn Thực	29.01.1991	Nam	Kinh	Hung Yên
8	GCN1272026-200	Nguyễn Văn Thương	02.08.1997	Nam	Kinh	TP HCM
9	GCN1272026-201	Lê Văn Tiến	02.02.1985	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
10	GCN1272026-202	Nguyễn Văn Tiến	30.08.1984	Nam	Kinh	Đắk Lắk
11	GCN1272026-203	Phạm Văn Tiến	03.04.1990	Nam	Kinh	Nghệ An
12	GCN1272026-204	Tăng Văn Tiên	15.01.1994	Nam	Kinh	TP HCM
13	GCN1272026-205	Nguyễn Thương Tín	06.12.1996	Nam	Kinh	Sóc Trăng
14	GCN1272026-206	Nguyễn Thanh Tịnh	29.09.1981	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
15	GCN1272026-207	Nguyễn Thanh Toàn	06.07.1981	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
16	GCN1272026 208	Trần Quốc Toàn	06.10.1983	Nam	Kinh	Phú Yên
17	GCN1272026-209	Vũ Thị Huyền Trang	21.04.1998	Nữ	Kinh	Thanh Hóa
18	GCN1272026-210	Lê Vĩnh Trí	12.12.1971	Nam	Kinh	Đà Nẵng
19	GCN1272026-211	Phan Văn Trí	02.10.1993	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
20	GCN1272026-212	Châu Đăng Trình	19.09.1979	Nam	Kinh	Tây Ninh
21	GCN1272026-213	Nguyễn Duy Trình	04.10.1991	Nam	Kinh	Gia Lai
22	GCN1272026-214	Võ Chí Trông	01.01.1991	Nam	Kinh	Bình Định

Ấn định danh sách có: 22 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 10

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-215	Huỳnh Thị Thanh Trúc	23.04.1990	Nữ	Kinh	TP HCM
2	GCN1272026-216	Đặng Thế Trung	16.01.1982	Nam	Kinh	TP HCM
3	GCN1272026-217	Nguyễn Chí Trung	12.07.1988	Nam	Kinh	Vĩnh Long
4	GCN1272026-218	Trần Thế Trung	01.02.1992	Nam	Kinh	TP HCM
5	GCN1272026-219	Chu Xuân Trường	27.05.1989	Nam	Kinh	Nghệ An
6	GCN1272026-220	Chu Văn Tứ	04.08.1987	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
7	GCN1272026-221	Huỳnh Thanh Tú	29.07.1988	Nam	Kinh	Cần Thơ
8	GCN1272026-222	Huỳnh Quốc Tuấn	28.04.1981	Nam	Kinh	Cà Mau
9	GCN1272026-223	Lê Anh Tuấn	08.07.1985	Nam	Kinh	Đắk Lắk
10	GCN1272026-224	Phạm Anh Tuấn	25.03.1986	Nam	Kinh	TP HCM
11	GCN1272026-225	Dương Thanh Tùng	10.09.1980	Nam	Kinh	Ninh Bình
12	GCN1272026-226	Ngô Hoàng Tùng	18.05.1990	Nam	Kinh	Đà Nẵng
13	GCN1272026-227	Huỳnh Văn Tựu	16.07.1989	Nam	Kinh	Đà Nẵng
14	GCN1272026-228	Nguyễn Ngô Dũng Tuyế	18.11.1984	Nam	Kinh	Tiền Giang
15	GCN1272026-229	Nguyễn Văn Tuyển	08.05.1984	Nam	Kinh	Đà Nẵng
16	GCN1272026-230	Hà Thanh Văn	14.02.1992	Nam	Kinh	Vĩnh long
17	GCN1272026-231	Trần Lê Thủy Vi	11.08.1999	Nữ	Kinh	Trà Vinh
18	GCN1272026-232	Bùi Quang Viên	10.02.1986	Nam	Kinh	Đồng Nai
19	GCN1272026-233	Nguyễn Hữu Vinh	22.09.1993	Nam	Kinh	Long An
20	GCN1272026-234	Đinh Quang Vũ	17.10.1980	Nam	Kinh	Khánh Hòa
21	GCN1272026 235	Phạm Văn Vượng	02.12.1983	Nam	Kinh	Thái Bình
22	GCN1272026-236	Nguyễn Thanh Yến Vy	24.08.1990	Nữ	Kinh	TP HCM
23	GCN1272026-237	Huỳnh Văn Việt	29.04.1992	Nam	Kinh	Quảng Ngãi

Ấn định danh sách có: 23 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026 CA: CHIỀU PHÒNG THI: 11 MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-238	Lê Minh An	05.06.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN1272026-239	Vương Thị Bảo An	21.06.2004	Nữ	Nùng	Bắc Ninh
3	GCN1272026-240	Dương Lê Hoàng Anh	11.02.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN1272026-241	Đàm Kim Anh	11.03.2003	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
5	GCN1272026-242	Đàm Nguyễn Hữu Tuấn An	10.10.2004	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
6	GCN1272026-243	Hạc Hà Anh	18.08.2005	Nữ	Tày	Thái Nguyên
7	GCN1272026-244	Lê Đỗ Liên Anh	24.11.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN1272026-245	Nguyễn Đình Tuấn Anh	05.12.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN1272026-246	Nguyễn Hoàng Mai Anh	05.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN1272026-247	Nguyễn Thế Anh	25.05.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN1272026-248	Nguyễn Thị Lâm Anh	05.11.2001	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
12	GCN1272026-249	Vũ Tuấn Anh	20.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN1272026-250	Dương Thị Ngọc Ánh	30.12.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN1272026-251	Lê Thị Ánh	16.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN1272026-252	Lưu Thị Ngọc Ánh	20.07.2005	Nữ	Kinh	Ninh Bình
16	GCN1272026-253	Nguyễn Ngọc Ánh	09.07.2005	Nữ	Kinh	Bắc Giang
17	GCN1272026-254	Trần Ngọc Ánh	28.10.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
18	GCN1272026-255	Trần Thị Minh Ánh	05.09.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
19	GCN1272026-256	Trịnh Thị Ánh	27.03.2004	Nữ	Nùng	Thái nguyên
20	GCN1272026-257	Nguyễn Việt Bách	20.07.2005	Nam	Kinh	Phú Thọ
21	GCN1272026-258	Trần Văn Bách	26.05.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
22	GCN1272026-259	Dương Ngọc Bảo	10.09.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN1272026-260	Đoàn Vũ Bảo	19.12.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN1272026-261	Lý Văn Bảo	03.05.2002	Nam	Nùng	Lạng Sơn
25	GCN1272026-262	Lương Xuân Bắc	25.10.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
26	GCN1272026-263	Phạm Xuân Bắc	02.05.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
27	GCN1272026-264	Chu Văn Bình	08.04.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
28	GCN1272026-265	Nguyễn Hoàng Bình	21.07.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN1272026-266	Nguyễn Văn Bình	07.06.2002	Nam	Kinh	Vũng Tàu
30	GCN1272026-267	Trần Nam Bình	27.10.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN1272026-268	Nguyễn Tú Bồn	16.09.2004	Nam	Kinh	Bắc Giang
32	GCN1272026-269	Đông Mạnh Công	05.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN1272026-270	Lê Thành Công	20.11.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN1272026-271	Ngô Thành Công	24.11.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN1272026-272	Nguyễn Thành Công	18.07.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
36	GCN1272026-273	Bùi Văn Cường	15.10.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN1272026-274	Nguyễn Duy Cường	16.12.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
38	GCN1272026-275	Vũ Mạnh Cường	13.06.2005	Nam	Kinh	Hải Phòng
39	GCN1272026-276	Vũ Mạnh Cường	27.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 12

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NOI SINH
1	GCN1272026-277	Nguyễn Hữu Cường	07.01.2007	Nam	Kinh	Hung Yên
2	GCN1272026-278	Nguyễn Kim Chi	03.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
3	GCN1272026-279	Nguyễn Anh Chính	18.08.2004	Nam	Nùng	Bắc Ninh
4	GCN1272026-280	Lương Đức Chúc	25.07.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
5	GCN1272026-281	Dương Văn Chung	12.03.2004	Nam	Tày	Thái Nguyên
6	GCN1272026-282	La Tiến Chung	07.06.2005	Nam	Tày	Thái Nguyên
7	GCN1272026-283	Nông Thị Chuyên	28.06.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
8	GCN1272026-284	Mông Hoàng Diệu	24.04.2003	Nữ	Ngạn	Hà Giang
9	GCN1272026-285	Vũ Thị Quỳnh Diệu	05.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN1272026-286	Đặng Thị Kim Dung	06.07.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN1272026-287	Hoàng Quốc Dũng	22.03.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN1272026-288	Ngô Anh Dũng	22.01.2004	Nam	Kimh	Phú Thọ
13	GCN1272026-289	Nguyễn Việt Dũng	22.07.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN1272026-290	Trương Quang Dũng	24.11.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
15	GCN1272026-291	Dương Khánh Duy	24.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN1272026-292	Đặng Vũ Duy	25.09.2007	Nam	Tày	Lào Cai
17	GCN1272026-293	Hoàng Công Duy	11.07.2004	Nam	Kinh	Tuyên Quang
18	GCN1272026-294	Nguyễn Khương Duy	26.02.2002	Nam	Nùng	Thái Nguyên
19	GCN1272026-295	Bùi Ánh Duyên	07.04.2004	Nữ	Mường	Phú Thọ
20	GCN1272026-296	Nguyễn Thị Thu Duyên	24.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN1272026-297	Nhữ Vũ Mỹ Duyên	08.11.2004	Nữ	Kinh	Hải Phòng
22	GCN1272026-298	Hà Bình Dương	21.01.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN1272026-299	Ngô Xuân Dương	23.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN1272026-300	Nguyễn Cảnh Dương	21.01.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN1272026-301	Nguyễn Danh Dương	23.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
26	GCN1272026-302	Phan Tùng Dương	11.02.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN1272026-303	Trần Văn Dương	26.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN1272026-304	Trần Thanh Đại	18.01.2004	Nam	Tày	Thái Nguyên
29	GCN1272026-305	Đỗ Đặng Linh Đan	18.01.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN1272026-306	Bùi Anh Đào	06.03.2005	Nam	Kinh	Yên Bái
31	GCN1272026-307	Dương Thành Đạt	01.12.2004	Nam	Kinh	
32	GCN1272026-308	Đào Tiến Đạt	06.10.2007	Nam	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN1272026-309	Hoàng Văn Đạt	09.12.2002	Nam	Kinh	Hải Dương
34	GCN1272026-310	Phan Thành Đạt	23.07.2002	Nam	Sán Chỉ	Thái Nguyên
35	GCN1272026-311	Thân Trọng Đạt	21.11.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
36	GCN1272026-312	Trần Đức Đạt	09.03.2004	Nam	Kinh	Quảng Ninh
37	GCN1272026-313	Tạ Ngọc Hải Đăng	05.03.2003	Nam	Kinh	Ninh Bình
38	GCN1272026-314	Dương Thế Định	07.12.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
39	GCN1272026-315	Thân Nhân Đoàn	21.03.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 13

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-316	Đình Bá Đông	15.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN1272026-317	Trần Phương Đông	13.10.2003	Nam	Kinh	Bình Phước
3	GCN1272026-318	Bùi Minh Đức	16.08.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN1272026-319	Giáp Minh Đức	26.11.2004	Nam	Kinh	Bắc Giang
5	GCN1272026-320	Hoàng Thái Đức	07.04.2004	Nam	Kinh	Hung Yên
6	GCN1272026-321	Nguyễn Đăng Đức	04.08.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
7	GCN1272026-322	Nguyễn Văn Giang	18.07.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN1272026-323	Nguyễn Thị Giang	07.02.2006	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN1272026-324	Đào Hoàng Hà	29.12.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN1272026-325	Mã Lê Thanh Hà	06.08.2004	Nữ	Nùng	Bắc Ninh
11	GCN1272026-326	Nguyễn Thị Ngọc Hà	08.09.1996	Nữ	Kinh	Hà Nội
12	GCN1272026-327	Chu Khánh Hạ	20.06.2004	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
13	GCN1272026-328	Nguyễn Thị Hà	18.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN1272026-329	Hoàng Thị Hải	23.05.2004	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
15	GCN1272026-330	Lê Minh Hải	08.12.2004	Nam	Kinh	Hung Yên
16	GCN1272026-331	Nguyễn Phú Hạnh	17.06.2004	Nam	Kinh	Phú Thọ
17	GCN1272026-332	Nguyễn Đức Hạnh	04.01.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
18	GCN1272026-333	Trương Minh Hạnh	08.03.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN1272026-334	Đỗ Thị Hậu	09.09.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN1272026-335	Lê Thị Hậu	01.05.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN1272026-336	Trần Thị Hiền	25.01.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
22	GCN1272026-337	Nguyễn Minh Hiên	15.11.2003	Nam	Kinh	Hung Yên
23	GCN1272026-338	Đỗ Văn Hiệp	24.08.2007	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN1272026-339	Trần Hoàng Hiệp	05.02.2004	Nam	Kinh	Tuyên Quang
25	GCN1272026-340	Trần Thế Hiếu	17.04.2005	Nam	Kinh	Hà Nội
26	GCN1272026-341	Đỗ Quang Hiếu	27.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN1272026-342	Nguyễn Minh Hiếu	02.11.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN1272026-343	Bùi Thị Hoa	12.07.2004	Nữ	Kinh	Hải Phòng
29	GCN1272026-344	Phan Thị Hoài	01.11.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN1272026-345	Nguyễn Văn Hoan	28.01.2004	Nam	Kinh	Thái nguyên
31	GCN1272026-346	Khúc Thư Hoàn	20.05.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN1272026-347	Vũ Ngọc Hoàn	21.06.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
33	GCN1272026-348	Bùi Thế Hoàng	28.05.2007	Nam	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN1272026-349	Đặng Việt Hoàng	21.02.2003	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
35	GCN1272026-350	Lương Việt Hoàng	28.03.2007	Nam	Kinh	Phú Thọ
36	GCN1272026-351	Ngô Huy Hoàng	10.08.2005	Nam	Kinh	Hà Nội
37	GCN1272026-352	Thân Việt Hoàng	12.08.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
38	GCN1272026-353	Phạm Khả Hoàn	15.12.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
39	GCN1272026-354	Phạm Thị Hồng	11.10.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 14

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-355	Nguyễn Thị Hồng Huệ	31.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN1272026-356	Dương Đình Hùng	08.05.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN1272026-357	Đỗ Quang Huy	13.09.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
4	GCN1272026-358	Leo Gia Huy	21.06.2007	Nam	Sán Diều	Bắc Giang
5	GCN1272026-359	Nguyễn Quang Huy	02.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN1272026-360	Nguyễn Tiến Huy	14.10.2004	Nam	Kinh	Hà Nội
7	GCN1272026-361	Nguyễn Tuấn Huy	26.12.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN1272026-362	Thân Ngọc Huy	01.04.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN1272026-363	Trần Bùi Quang Huy	07.10.2007	Nam	Kinh	Phú Thọ
10	GCN1272026-364	Long Việt Hưng	10.04.2002	Nam	Nùng	Lạng Sơn
11	GCN1272026-365	Diêm Đăng Hưng	26.03.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
12	GCN1272026-366	Lê Quỳnh Hương	29.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN1272026-367	Hà Ngọc Hữu	11.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN1272026-368	Trần Văn Kiên	10.10.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN1272026-369	Đỗ Hữu Kiên	02.02.2003	Nam	Kinh	Phú Thọ
16	GCN1272026-370	Trần Tuấn Kiệt	14.10.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN1272026-371	Cao Tiến Khải	18.05.2004	Nam	Kinh	Hung Yên
18	GCN1272026-372	Lê Tuấn Khanh	04.03.2006	Nam	Kinh	Phú Thọ
19	GCN1272026-373	Dương Duy Khánh	01.11.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN1272026-374	Dương Minh Khoa	01.05.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN1272026-375	Hoàng Đăng Khoa	05.11.2005	Nam	Tày	Thái Nguyên
22	GCN1272026-376	Nguyễn Đăng Khoa	20.12.2002	Nam	Kinh	Phú Thọ
23	GCN1272026-377	Hoàng Thị Lan	16.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN1272026-378	Vi Ngọc Lan	01.11.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
25	GCN1272026-379	Bàn Minh Lâm	09.11.2005	Nam	Dao	Tuyên Quang
26	GCN1272026-380	Vũ Minh Lân	17.08.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN1272026-381	Bùi Hải Linh	07.01.2004	Nam	Kinh	Ninh Bình
28	GCN1272026-382	Ma Thủy Linh	21.03.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
29	GCN1272026-383	Nguyễn Việt Linh	28.08.2004	Nam	Nùng	Lạng Sơn
30	GCN1272026-384	Phan Thị Thủy Linh	17.01.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
31	GCN1272026-385	Trần Phương Linh	18.12.2006	Nữ	Kinh	Lào Cai
32	GCN1272026-386	Vũ Thị Nhật Linh	02.10.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
33	GCN1272026-387	Đỗ Thanh Loan	28.10.2004	Nữ	Kinh	Nam Định
34	GCN1272026-388	Nguyễn Thị Loan	29.12.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN1272026-389	Bùi Hoàng Long	09.12.2005	Nam	Kinh	Hung Yên
36	GCN1272026-390	Vũ Thị Hải Lộc	24.05.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
37	GCN1272026-391	Nguyễn Thị Lụa	25.03.2003	Nữ	Kinh	Ninh Bình
38	GCN1272026-392	Nguyễn Đức Luân	27.09.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
39	GCN1272026-393	Trần Hữu Lực	16.08.2004	Nam	Kinh	Phú Thọ

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 15

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-394	Hứa Thị Ly Ly	20.06.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
2	GCN1272026-395	Nguyễn Hà Diệu Mai	28.09.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN1272026-396	Nguyễn Ngọc Mạnh	14.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN1272026-397	Trần Chu Viên Minh	29.12.2004	Nam	Kinh	Phú Thọ
5	GCN1272026-398	Trần Nhật Minh	21.10.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN1272026-399	Trương Công Minh	18.11.2003	Nam	Mường	Thái Nguyên
7	GCN1272026-400	Vũ Quang Minh	06.05.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN1272026-401	Hà Ngọc Thảo My	23.04.2002	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN1272026-402	Nguyễn Huyền My	09.03.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
10	GCN1272026-403	Trần Huyền My	23.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN1272026-404	Hoàng Hoài Nam	11.04.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN1272026-405	Lương Ngọc Nam	07.08.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
13	GCN1272026-406	Nguyễn Văn Nam	27.11.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN1272026-407	Dương Lê Phúc Nam	11.02.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN1272026-408	Nguyễn Hải Ninh	01.01.2004	Nam	Kinh	Ninh Bình
16	GCN1272026-409	Hoàng Thị Quỳnh Nương	26.10.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
17	GCN1272026-410	Hà Triệu Nga	14.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN1272026-411	Trần Thị Tuyết Nga	17.05.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN1272026-412	Nguyễn Thúy Ngân	06.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN1272026-413	Tô Trọng Nghĩa	13.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN1272026-414	Nguyễn Ánh Ngọc	12.08.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
22	GCN1272026-415	Phạm Hồng Ngọc	13.01.2005	Nữ	Tày	Lào Cai
23	GCN1272026-416	Nguyễn Đức Nguyên	05.11.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
24	GCN1272026-417	Nguyễn Tiến Nguyên	17.01.2006	Nam	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN1272026-418	Nguyễn Trung Nguyên	31.03.2004	Nam	Kinh	Hà Nam
26	GCN1272026-419	Phạm Thị Thảo Nguyên	22.01.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN1272026-420	Dương Thị Nguyệt	25.04.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN1272026-421	Nông Hồ Nhật	20.02.2004	Nam	Tày	Thái Nguyên
29	GCN1272026-422	Nguyễn Thị Yên Nhi	07.11.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
30	GCN1272026-423	Trần Thị Hồng Nhung	28.11.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN1272026-424	Vũ Thị Hồng Nhung	21.01.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
32	GCN1272026-425	Hầu Vĩnh Oanh	29.07.2004	Nữ	Cao Lan	Thái Nguyên
33	GCN1272026-426	Nguyễn Xuân Phong	07.05.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN1272026-427	Dương Mạnh Phú	22.09.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
35	GCN1272026-428	Nguyễn Hoàng Phúc	19.12.2006	Nam	Kinh	Hà Nội
36	GCN1272026-429	Dương Anh Phụng	25.09.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN1272026-430	Ngô Hữu Phước	17.05.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
38	GCN1272026-431	Đào Thu Phương	27.03.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
39	GCN1272026-432	Nguyễn Minh Phương	11.08.2004	Nữ	Kinh	Hà Tây

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 16

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-433	Nguyễn Minh Phương	25.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN1272026-434	Nguyễn Tá Phương	15.07.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
3	GCN1272026-435	Trần Đỗ Lan Phương	23.04.2004	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh
4	GCN1272026-436	Trần Hoàng Phương	13.06.2004	Nữ	Tày	Bắc Ninh
5	GCN1272026-437	Giàng Thị Phượng	15.06.2004	Nữ	H'mông	Lào Cai
6	GCN1272026-438	Ngô Ngọc Quang	25.10.2004	Nam	Kinh	Hung Yên
7	GCN1272026-439	Lý Hồng Quân	14.09.2003	Nam	Sán Dìu	Bắc Ninh
8	GCN1272026-440	Dương Trung Quốc	26.07.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN1272026-441	Mai Ngọc Quý	26.03.2006	Nam	Kinh	Yên Bái
10	GCN1272026-442	Nguyễn Văn Quyển	05.08.2004	Nam	Kinh	Lào Cai
11	GCN1272026-443	Dương Thị Quỳnh	10.07.2004	Nữ	Dao	Thái Nguyên
12	GCN1272026-444	Dương Thị Thúy Quỳnh	28.05.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN1272026-445	Đặng Thanh Sâm	01.05.2002	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên
14	GCN1272026-446	Tạ Văn Sinh	05.09.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN1272026-447	Nguyễn Hữu Nhật Tân Tân	13.01.2007	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN1272026-448	Lò Văn Tập	10.11.2004	Nam	Thái	Son La
17	GCN1272026-449	Đặng Quý Tiến	07.08.2000	Nam	Dao	Thái Nguyên
18	GCN1272026-450	Kiều Hoàng Tiến	23.06.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN1272026-451	Lương Đình Tiến	02.08.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN1272026-452	Đỗ Đăng Tiệp	19.12.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
21	GCN1272026-453	Nguyễn Thị Tĩnh	25.01.2004	Nữ	Mường	Phú Thọ
22	GCN1272026-454	Phạm Tiến Toàn	20.10.1997	Nam	Kinh	Bắc Ninh
23	GCN1272026-455	Nghiêm Văn Tú	18.09.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN1272026-456	Nguyễn Mạnh Tú	18.05.2005	Nam	Tày	Thái Nguyên
25	GCN1272026-457	Trần Anh Tú	16.02.2005	Nam	Kinh	Lào Cai
26	GCN1272026-458	Nguyễn Đức Tuấn	30.08.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN1272026-459	Lê Quốc Tuấn	19.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN1272026-460	Nguyễn Anh Tuấn	05.08.2004	Nam	Nùng	Thái Nguyên
29	GCN1272026-461	Phan Sỹ Minh Tuấn	10.09.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN1272026-462	Vũ Hoàng Tuấn	09.09.2002	Nam	Kinh	Hà Giang
31	GCN1272026-463	Lê Huy Tùng	12.09.2001	Nam	Tày	Thái Nguyên
32	GCN1272026-464	Vũ Quang Tùng	18.03.2006	Nam	Kinh	Bắc Ninh
33	GCN1272026-465	Nguyễn Đức Tuyển	01.10.2005	Nữ	Tày	Thái Nguyên
34	GCN1272026-466	Vũ Thị Ánh Tuyết	18.11.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN1272026-467	Vũ Minh Tước	25.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
36	GCN1272026-468	Nguyễn Hữu Tường	26.02.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN1272026-469	Trương Thanh Thái	17.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
38	GCN1272026-470	Nguyễn Phương Thanh	21.08.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
39	GCN1272026-471	Hà Việt Thành	22.10.2002	Nam	Kinh	Hung Yên

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 17

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-472	Nguyễn Hữu Thành	19.04.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
2	GCN1272026-473	Đỗ Thị Thảo	28.11.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN1272026-474	Hà Phương Thảo	22.09.2004	Nữ	Dao	Thái Nguyên
4	GCN1272026-475	Lý Thị Thảo	28.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN1272026-476	Phạm Phương Thảo	04.02.2004	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
6	GCN1272026-477	Trần Thị Thanh Thảo	04.04.2004	Nữ	Dao	Tuyên Quang
7	GCN1272026-478	Triệu Thanh Thảo	02.08.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
8	GCN1272026-479	Vũ Phương Thảo	02.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN1272026-480	Nguyễn Đức Thắng	15.07.2004	Nam	Kinh	Phú Thọ
10	GCN1272026-481	Nguyễn Quang Thắng	06.07.2004	Nam	Nùng	Thái Nguyên
11	GCN1272026-482	Long Minh Thiên	26.02.2004	Nam	Nùng	Thái Nguyên
12	GCN1272026-483	Lục Sĩ Thiện	18.10.2002	Nam	Tày	Bắc Kạn
13	GCN1272026-484	Hoàng Đức Thuần	05.02.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
14	GCN1272026-485	Nguyễn Thanh Thủy	04.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN1272026-486	Nguyễn Thị Thanh Thủy	07.09.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN1272026-487	Dương Xuân Thùy	29.01.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
17	GCN1272026-488	Nguyễn Văn Thư	30.06.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
18	GCN1272026-489	Lưu Hoài Thương	18.09.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN1272026-490	Nguyễn Thị Hoài Thương	24.08.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
20	GCN1272026-491	Dương Thị Hương Trà	16.06.2002	Nữ	Mường	Thanh Hoá

Ấn định danh sách có: 20 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 18

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-492	Trương Mỹ Trà	29.01.2004	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
2	GCN1272026-493	Đỗ Thị Thu Trang	25.10.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
3	GCN1272026-494	Khổng Thu Trang	15.05.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN1272026-495	Nguyễn Thu Trang	12.09.2003	Nữ	Tày	Yên Bái
5	GCN1272026-496	Hoàng Thanh Trúc	09.01.2002	Nam	Nùng	Thái Nguyên
6	GCN1272026-497	Trần Quang Trung	07.02.2005	Nam	Tày	Thái Nguyên
7	GCN1272026-498	Hoàng Đình Trường	28.01.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
8	GCN1272026-499	Phạm Trọng Trường	02.04.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN1272026-500	Nguyễn Văn Trường	04.04.2005	Nam	Kinh	Quảng Trị
10	GCN1272026-501	Hoàng Xuân Trường	08.03.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
11	GCN1272026-502	Hoàng Thị Thanh Uyên	19.09.1997	Nam	Sán dìu	Thái Nguyên
12	GCN1272026-503	Ôn Văn Việt	16.07.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
13	GCN1272026-504	Nguyễn Quang Vinh	11.01.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
14	GCN1272026-505	Ngô Văn Vĩnh	24.07.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN1272026-506	Lưu Quang Vũ	10.11.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN1272026-507	Trần Lâm Vũ	29.07.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
17	GCN1272026-508	Phạm Thảo Vy	30.07.2003	Nữ	Kinh	Lạng Sơn
18	GCN1272026-509	Vũ Yến Vy	27.03.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
19	GCN1272026-510	Hoàng Thị Xanh	22.06.2005	Nữ	Kinh	Hà Nội
20	GCN1272026-511	Nguyễn Thị Hương Xuân	17.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 20 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG  
TRUNG TÂM KHẢO THÍ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 19

MÔN: TIẾNG PHÁP

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	PHAP1272026-001	Chu Tuấn Anh	03.06.2005	Nam	Tày	Cao Bằng
2	PHAP1272026-002	Lê Tú Anh	18.07.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
3	PHAP1272026-003	Nguyễn Ngọc Anh	01.06.2005	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
4	PHAP1272026-004	Trần Hà Anh	17.06.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	PHAP1272026-005	Lưu Ngọc Ánh	09.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
6	PHAP1272026-006	Trần Thành Công	20.01.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
7	PHAP1272026-007	Ma Luân Diệu Chi	30.06.2005	Nữ	Tày	Thái Nguyên
8	PHAP1272026-008	Nghiêm Linh Chi	26.10.2005	Nữ	Kinh	Hà Nội
9	PHAP1272026-009	Ngô Thị Huyền Dịu	10.04.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
10	PHAP1272026-010	Nông Thị Dung	16.01.2005	Nữ	La Chí	Tuyên Quang
11	PHAP1272026-011	Phạm Thủy Dung	16.11.2005	Nữ	Kinh	Phú Thọ
12	PHAP1272026-012	Lê Thị Mỹ Duyên	14.11.2005	Nữ	Tày	Thái Nguyên
13	PHAP1272026-013	Ngô Thị Bích Đào	30.03.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	PHAP1272026-014	Trần Hải Đăng	10.04.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
15	PHAP1272026-015	Ngô Thị Giang	12.07.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	PHAP1272026-016	Nguyễn Thị Thu Hà	28.08.2004	Nữ	Kinh	Hung Yên
17	PHAP1272026-017	Trần Thu Hà	06.10.2005	Nữ	Sán Chỉ	Thái Nguyên
18	PHAP1272026-018	Lê Trần Minh Hằng	01.04.2005	Nữ	Kinh	Phú Thọ
19	PHAP1272026-019	Triệu Mỹ Hằng	24.01.2005	Nữ	Dao	Lạng Sơn
20	PHAP1272026-020	Hoàng Thị Hiền	22.03.2005	Nữ	Giáy	Tuyên Quang
21	PHAP1272026-021	Tạ Thị Hương	30.04.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
22	PHAP1272026-022	Nguyễn Tất Kiên	23.06.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
23	PHAP1272026-023	Đàm Thị Diễm Linh	20.11.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
24	PHAP1272026-024	Nguyễn Hương Linh	23.04.2005	Nữ	Kinh	Thái nguyên
25	PHAP1272026-025	Nguyễn Thị Thủy Linh	25.02.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
26	PHAP1272026-026	Hà Dương Long	14.10.2005	Nam	Tày	Thái Nguyên
27	PHAP1272026-027	Nguyễn Thị Thảo Ly	20.08.2005	Nữ	Kinh	Sơn La
28	PHAP1272026-028	Cao Thị Hoàng Oanh	23.05.2005	Nữ	Kinh	Lạng Sơn
29	PHAP1272026-029	Dương Thị Diễm Quỳnh	18.07.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
30	PHAP1272026-030	Chu Đức Tiến	18.10.2005	Nam	Nùng	Lạng Sơn
31	PHAP1272026-031	Nguyễn Thị Giang Thanh	22.07.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
32	PHAP1272026-032	Dương Thị Thu Trang	31.08.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
33	PHAP1272026-033	Dương Thanh Trúc	04.08.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
34	PHAP1272026-034	Long Thị Vân	19.10.2005	Nữ	Nùng	Cao Bằng
35	PHAP1272026-035	Nguyễn Thị Hồng Vân	04.11.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
36	PHAP1272026-036	Lê Tuấn Vũ	18.10.2001	Nam	Nùng	Tuyên Quang
37	PHAP1272026-037	Nguyễn Thị Yến	29.01.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có: 37 thí sinh./.